

Bản án số: 494/2019/DS-PT

Ngày: 17-10-2019

V/v: “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Thanh Dũng

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Đắc Minh

Bà Phạm Thị Duyên

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Kim Nhi – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Ông Đỗ Thành Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 260/2019/TLPT-DS ngày 14 tháng 5 năm 2019 về việc việc “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2018/DS-ST ngày 14 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2368/2019/QĐ-PT ngày 01 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

Ông Lương Văn Đ, sinh năm 1961 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ 5, ấp H, xã P, huyện Đ, tỉnh BR-VT.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (văn bản ủy quyền ngày 18/01/2017): Ông Nguyễn Văn H; (có mặt).

Địa chỉ: khu phố 2, Phường P1, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2. Bị đơn:

Bà Nguyễn Thanh Th, sinh năm 1960 (vắng mặt).

Địa chỉ hiện nay: Đường Ph, khu phố 2, phường Q, thành phố B1, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn (văn bản ủy quyền ngày 17/8/2016):
Ông Nguyễn Hải Đ1 (có mặt).

Địa chỉ: đường L, Phường 4, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân huyện Đ

Đại diện theo pháp luật: Ông Tạ Văn B - Chủ tịch.

3.2. Bà Trương Thị Tuyết Nh, sinh năm 1962

3.3. Ông Lương Bảo L, sinh năm 1986.

3.4. Bà Lương Thụy Ngọc D, sinh năm 1987.

3.5. Ông Lương Bảo Th1, sinh năm 1986.

3.6. Ông Lương Khải Đ2, sinh năm 1963 và bà Phùng Thị B, sinh năm 1964.

3.7. Ông Nguyễn Nhất L1, sinh năm 1972 và bà Lương Thị Trúc G, sinh năm 1987.

3.8. Bà Lương Thị Kim Q, sinh năm 1984.

3.9. Ông Lương Quốc Ph, sinh năm 1985.

3. 10. Bà Trương Thị Ngọc M, sinh năm 1970 và ông Đặng Hữu H1, sinh năm 1970

Cùng địa chỉ: Tổ 5, ấp H, xã P, huyện Đ, tỉnh BR-VT.

3.11. Ông Trương Dũng T, sinh năm 1968 và bà Huỳnh Thị Yến D, sinh năm 1974

Cùng địa chỉ: Số 55, tổ 4, ấp Phước Lộc, xã P, H. Đ, BR-VT

3.12. Bà Khâu Thị H, sinh năm 1940.

Địa chỉ: đường H, phường 8, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

3.13. Bà Khâu Thị B, sinh năm 1940.

Địa chỉ: K A, R 328 – H, 96826 USA (Hoa Kỳ).

(Ông Đ2, bà M và ông T có mặt, những người còn lại xin vắng mặt).

4. Người làm chứng:

4.1. Bà Nguyễn Thị Đ3, sinh năm 1949

Địa chỉ: Số 28 Tổ 8 khu phố P1, thị trấn Đ, huyện Đ

4.2. Bà Nguyễn Thị Thu Th2, sinh năm 1943

Địa chỉ: Ấp H, xã P, thị trấn Đ, huyện Đ

4.3. Ông Phạm Văn Th3, sinh năm 1957

Địa chỉ: Tổ 5, ấp H, xã P, thị trấn Đ, huyện Đ

(Tất cả xin vắng mặt).

5. *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Nguyễn Thanh Th.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Lương Văn Đ và người đại diện trình bày:*

Yêu cầu Tòa án xem xét buộc bà Nguyễn Thanh Th phải có nghĩa vụ trả lại cho vợ chồng ông diện tích đất 500m² thuộc thửa số 196, tờ bản đồ số 28 tọa lạc tại xã P, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu với chiều ngang mặt đường tỉnh lộ 44A là 20m, chiều sâu là 25m. Đất do bà Khâu Thị T là bà ngoại để lại cho vợ chồng ông bằng bản di chúc.

Bà Khâu Thị T sinh được 03 người con, gồm:

- + Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1934 là bố của bà Th (đã chết)
- + Bà Khâu Thị B, sinh năm 1939 (là mẹ của ông)
- + Bà Khâu Thị H cùng sinh năm 1939 (Dì em mẹ)

Ông gọi bà T là bà Ngoại; bà Th gọi bà T là bà Nội.

Lúc còn sống, bà T có diện tích đất khoảng 1.296m², thửa số 196, tờ bản đồ số 28 tọa lạc tại xã P, huyện Đ; năm 2011 bị Nhà nước thu hồi 411m² để làm đường tỉnh lộ 44A P2 - Đ và thực hiện bản đồ số hóa, nên diện tích đất còn lại là 933,4m².

Ngày 26/10/2001 bà T có lập tờ di chúc để lại toàn bộ diện tích đất 1.296m² nêu trên cho bà Nguyễn Thanh Th.

Ngày 22/4/2004, bà T có lập “Tờ di chúc di sản” sửa đổi một phần bản di chúc đã lập năm 2001, được Tổ dân cư, Ban ấp và UBND xã P chứng thực. Bản di chúc này có nội dung là bà T để lại cho vợ chồng Ông diện tích đất chiều ngang mặt đường tỉnh lộ 44A là 20m x chiều sâu 25m (500m²), thửa số 196, tờ bản đồ số 28 tọa lạc tại xã P. Phần diện tích đất còn lại bà Th được toàn quyền sử dụng không ai được tranh chấp.

Ngày 19 tháng 10 năm 2007, bà T qua đời.

Năm 2011, khi chưa có mâu thuẫn với nhau thì Ông và bà Th đã thỏa thuận là bà Th nhận toàn bộ tiền Nhà nước bồi thường đất do mở đường là 500 triệu đồng để xây nhà thờ tự hết gần 200 triệu, phần còn lại bà Th sử dụng và có trách nhiệm tách sổ trả lại 266m² cho vợ chồng Ông. Việc thỏa thuận đã được VPĐKQSD đất huyện Đ đo vẽ và ra sơ đồ. Biết là thiệt thòi so với di chúc bà ngoại để lại, nhưng để giữ hòa khí và tình cảm chị em trong gia tộc, Ông cũng chấp nhận. Tuy nhiên, sau khi có sơ đồ đo vẽ thì bà Th cố tình không hoàn tất các thủ tục tách thửa đất như thỏa thuận cho vợ chồng Ông.

Vì Nhà nước thu hồi 411m² để làm đường tỉnh lộ 44A, nên phần đất của bà T bị lấy vào một phần, còn chiều ngang đất thì bà Th cùng gia tộc đã xây nhà thờ tự lấn sang đất của vợ chồng Ông 05m. Vì đây là nhà thờ tự, nên nay Ông

chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết đối với diện tích đất có chiều ngang mặt tiền đường nhựa tỉnh lộ 44A là 15 m x chiều sâu 18,5 m = 277,5 m². Diện tích đất còn lại nếu sau này có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác. Trên đất có 01 quán bán hàng ăn sáng do ông T, bà D đang sử dụng tạm thời, đề nghị di dời sang chỗ khác để trả lại mặt bằng cho vợ Chồng Ông.

**Bà Nguyễn Thanh Th và người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Bản di chúc do bà Khâu Thị T lập ngày 22/4/2004 cho ông Lương Văn Đ là không hợp pháp, bởi các lý do sau:

- + Một người làm chứng là bà Khâu Thị B con của bà T.
- + Một người làm chứng là bà Đ3 người giúp việc nhà không biết chữ.
- + Bà T lúc lập di chúc này đang trong trạng thái không thể nhận thức được hành vi, vân tay của bà T trong di chúc có thể bị lấy ngoài ý muốn.

Do vậy, ông Đ yêu cầu bà Th hoàn trả 500m² đất theo di chúc được lập ngày 22/4/2004 là không có căn cứ, thiếu cơ sở. Đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đ.

Trong trường hợp các bên thỏa thuận được với nhau thì Bà Th chấp nhận giao lại phần đất có chiều ngang mặt đường tỉnh lộ 44A là 10m x chiều sâu 15m cho vợ chồng ông Đ. Nếu các bên không thỏa thuận được và phải đưa vụ án ra xét xử thì bà Th không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

**Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

Bà Khâu Thị B trình bày:

Bà không chấp nhận chứng cứ do nguyên đơn xuất trình là “Tờ di chúc” do bà Khâu Thị T để lại, vì không đủ cơ sở pháp lý để tạo thành bản di chúc.

Muốn lập di chúc có giá trị và yếu tố pháp lý của nhà nước Việt Nam về mặt pháp luật phải có chính quyền địa phương, phải thành lập một hội đồng tối thiểu là 03 thành viên, gồm: Đại diện chính quyền xã; Cán bộ chuyên ngành địa chính; người thư ký.

Về mặt gia đình, phải có 01 thầy thuốc đo tim mạch chẩn đoán sức khỏe để có hồ sơ bệnh lý rõ ràng; phải có 01 hoặc 02 người đại diện hội đồng gia tộc. Vì tại thời điểm lập di chúc bà T đã 90 tuổi. Bản di chúc được ông Bí thư đảng ủy Hồ Văn Q phê duyệt là không đúng chức năng, thẩm quyền.

Nếu bản di chúc cho ông Đ đất có hiệu lực thì tại sao khi ông Đ xây nhà bà Th không cho và Địa chính xã đã đình chỉ việc xây nhà?. Nếu bản di chúc hợp lệ thì tại sao xã lại không cho ông Đ xây nhà? Tại sao năm 2007, bà T chết mà đến nay mới có tranh chấp về chia thừa kế theo di chúc? Bản di chúc năm 2001 của bà Th và bản di chúc năm 2004 đều không đúng, nên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Th cũng không có giá trị, không đúng pháp luật hiện hành. Đề nghị chia di sản theo thừa kế cho con đẻ của bà Khâu Thị T là 03 người. Ông Nguyễn Văn V (tên gọi khác: Nguyễn Thanh H) là bố của bà Th đã

chết thì bà Th được hưởng; Bà và bà H. Riêng Bà, tài sản thừa kế được hưởng sẽ chia cho 02 con là bà Huệ và bà M.

Bà Khâu Thị H trình bày:

Bà là con đẻ của bà Khâu Thị T và là em ruột của ông Nguyễn Thanh H và bà Khâu Thị B. Năm 2001, sở dĩ bà T lập di chúc để lại toàn bộ đất cho cháu nội là Nguyễn Thanh Th quản lý sử dụng cũng như có chỗ thờ cúng tổ tiên, các bà tôn trọng ý kiến của Má nên không yêu cầu gì. Bà hoàn toàn đồng ý với bản di chúc do bà T đã lập lần thứ nhất. Bản di chúc bà T lập lần thứ 2 vào ngày 22/4/2004 Bà không biết và cũng không có ký, vì thế Bà không có ý kiến về bản di chúc lần thứ 02. Bà đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Ông Trương Dũng T và bà Huỳnh Thị Yến D trình bày:

Tại bản di chúc năm 2004 của bà T không ghi rõ diện tích đất giao cho ông Đ nhưng tại sao ông Đ cho rằng bà T để lại đất có diện tích 500 m²?. Khi lập bản di chúc năm 2004 thì bà T đã không còn minh mẫn, nên bản di chúc này không có giá trị.

Khi bà Th xây nhà thờ tự và Ông Bà dựng quán để bán hủ tiếu thì ông Đ có biết nhưng không ngăn cản và không có ý kiến gì.

Nếu ông Đ thắng kiện thì gia đình Ông Bà sẽ tháo dỡ những tài sản đang bán hủ tiếu trên đất có tranh chấp để trả lại đất cho ông Đ và Ông Bà không yêu cầu bồi thường hoặc hỗ trợ bất cứ khoản tiền nào. Nếu bà Th thắng kiện thì Ông Bà và bà Th sẽ tự thỏa thuận với nhau. Vì vậy, Ông Bà không có yêu cầu giải quyết quyền lợi gì trong vụ án.

Bà Trương Thị Ngọc M và ông Đặng Bửu Hùng trình bày:

Vợ chồng Ông Bà không tranh chấp gì trong vụ án này. Gia đình Ông Bà đã sống trên căn nhà của mẹ là bà Khâu Thị B đi nước ngoài để lại, căn nhà không liên quan đến phần đất đang tranh chấp nhưng nhà Ông, Bà đang ở lại nằm trên phần đất đứng tên bà Th. Vì vậy, nếu có tranh chấp với bà Th thì sẽ giải quyết bằng một vụ án khác. Ngoài ra vợ chồng Ông Bà không có yêu cầu giải quyết quyền lợi gì.

Ông Lương Khải Đ2 và bà Phùng Thị B cùng các con Lương Thị Kim Q, Lương Quốc Ph trình bày:

Trước đây gia đình Ông Bà về ở tại căn nhà cũ của bà T, đến năm 2007 sau khi bà T chết thì bà Th khóa cửa lại không cho ai vào nhà ở và bà Th về Biên Hòa sinh sống. Đến năm 2009, bà B yêu cầu Ban hòa giải của xã P xuống chứng kiến việc Bà đập ổ khóa để vào nhà, thực hiện việc thờ cúng tổ tiên. Tháng 5/2009, bà B có giấy xuất cảnh thì Bà giao lại nhà thờ tự cho gia đình Ông, Bà trông coi, nhưng không dám nhận vì nhà đất lúc đó đứng tên bà Th. Đến ngày 09/9/2009 là ngày mãn tang của bà T thì Ông, Bà gặp bà Th hỏi ý kiến thì bà Th đồng ý giao toàn bộ nhà thờ tự và việc trông coi, nhang khói khu mồ mả của gia tộc cho gia đình Ông, Bà.

Qua sự việc tranh chấp giữa ông Lương Văn Đ và bà Nguyễn Thanh Th thì gia đình Ông Bà không có ý kiến gì. Gia đình đã ở tại nhà thờ tự hơn 10 năm nay và đã chăm sóc, nhang khói khu mồ mả và nhà thờ tự từ trước đến nay. Vì vậy, yêu cầu bà Th và Tòa án giải quyết xem xét cho gia đình Ông, Bà được tiếp tục sống ổn định trong căn nhà thờ tự để tiếp tục việc thờ cúng và chăm sóc, nhang khói khu mồ mả ông bà tổ tiên của gia tộc.

Ông Nguyễn Nhất L1 và bà Lương Thị Trúc G trình bày:

Ông, Bà là con của ông Đ em và bà B, là cháu gọi bà Th bằng Cô. Năm 2008, sau khi bà C qua đời, được sự đồng ý của cô Th thì toàn bộ gia đình bố mẹ dọn về căn nhà thờ tự để ở chăm lo mồ mả cho những người đã khuất, nhang khói hàng đêm cũng như cúng giỗ hàng năm. Vì Ông bà có gia đình riêng, nên ông Đ, bà B có xin cô Th cho phép cất 01 căn nhà để ở. Được sự đồng ý của của bà Th thì Ông Bà đã dùng tiền riêng của mình 65 triệu đồng để xây 01 căn nhà nhỏ diện tích 33m² trên đất để ở đến nay đã được 05 năm. Nay có tranh chấp xảy ra Ông Bà không có ý kiến gì về việc tranh chấp. Nhưng xin bà Th cho phép được ở trong ngôi nhà đã xây để làm ăn sinh sống, nuôi con cũng như được sống gần người thân của mình.

Bà Trương Thị Tuyết Nh, ông Lương Bảo L, bà Lương Thụy Ngọc D, ông Lương Bảo Th1 trình bày:

Các ông, Bà đồng ý với trình bày của nguyên đơn, đề nghị Tòa án chấp nhận đơn khởi kiện của ông Lương Văn Đ.

Đại diện Ủy ban nhân dân huyện Đ có ý kiến cho rằng:

Đơn đăng ký kê khai cấp GCNQSD đất đối với diện tích đất hiện nay đang có tranh chấp của bà Th được lập ngày 23/10/1999 ghi nguồn gốc đất có được là do bà Th nhận thừa kế theo di chúc năm 2001 của bà Khâu Thị T.

Bản di chúc sửa đổi ngày 22/4/2004 do bà T lập và lặn tay điểm chỉ có nội dung để cho ông Đ, bà Nh và bà Th đất là lập sau khi đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Th (Đất cấp ngày 16/4/2004).

Do đó, đề nghị Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Th. Lý do, vì người lập di chúc chưa chết nên di chúc chưa phát sinh hiệu lực (Bà T chết năm 2007). Việc cấp GCNQSD đất cho bà Th là không đúng quy định. Còn nội dung tranh chấp về chia di sản thừa kế theo di chúc, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

**Người làm chứng:*

Ông Phạm Văn Th3 trình bày:

Tại thời điểm xác nhận bản di chúc ngày 22/4/2004 do bà T lập thì Ông là trưởng ấp H. Khi Ông đến xác nhận thì bà T sức khỏe hơi yếu, chân đi lại không được nhưng trí tuệ vẫn còn minh mẫn, còn nói chuyện và trình bày rõ ràng mọi vấn đề.

Bản di chúc do ông Tô trưởng tổ dân cư Nguyễn Xuân T1 viết là do bà T đọc nội dung cho ông T1 viết có sự chứng kiến của Ông, của bà Đ3 và bà B. Ngoài ra có ai chứng kiến nữa không thì Ông không nhớ. Việc mọi người cho rằng tại thời điểm lập di chúc bà T mất trí nhớ là không đúng sự thật.

Về diện tích đất, bà T không nói cụ thể bao nhiêu mét vuông nhưng bà T chỉ nói cho ông Đ phần đất tính từ gốc cây mận đi vào ranh đường nông thôn chiều dài từ mặt đường kéo đến khu mả là 25m; còn đất từ gốc mận đổ về hướng đi P2 là 20m. Ông khẳng định, bản gốc di chúc ngày 22/4/2004 do Tòa án đưa cho Ông xem là đúng và không có việc thêm hoặc bớt nội dung bản di chúc mà Ông đã xác nhận.

Bà Nguyễn Thị Đ3 trình bày:

Bà chỉ là người làm thuê cho bà Khâu Thị T. Bà không nhớ rõ mốc thời gian cụ thể, nhưng trước đây Bà có biết việc bà T ủy quyền cho bà Th đứng tên toàn bộ nhà, đất. Sau đó khoảng năm 2004, ông Đ có mời ông Phan Văn Th3 là Trưởng ấp H qua nhà để ký xác nhận vào giấy tờ gì đó, do bà mù chữ nên không biết. Sau khi họ lập xong giấy tờ thì ông Đ có bảo bà lặn tay xác nhận vào giấy tờ nêu trên. Họ cam kết Bà sẽ không bị ảnh hưởng gì nên Bà mới đồng ý lặn tay vào giấy tờ trên. Bà nghe nói giấy tờ đó có nội dung bà T đồng ý cắt cho ông Đ một phần nhà đất, còn chi tiết nội dung của giấy tờ trên như thế nào thì Bà không rõ. Thời điểm đó bà T bị mù nên ông Đ cầm tay bà T để lặn tay vào giấy tờ trên. Ngoài ra Bà không biết vấn đề gì khác.

Bà Nguyễn Thị Thu Th2 trình bày:

Bà là người sinh ra và lớn lên tại xã H từ nhỏ đến nay. Bà biết gia đình bà Khâu Thị T vì họ có họ hàng với Bà. Nguồn gốc đất của bà T là do cha mẹ bà T để lại cho bà T, sau này bà T cho lại bà Th vào năm 2002, khi cho thì Bà không có chứng kiến. Năm 2007 thì bà T qua đời và sau đó bà B đi nước ngoài sống. Năm 2004, bà T lập di chúc để lại nhà đất như thế nào thì Bà không có chứng kiến và cũng không hề có sự liên quan nào đến bản di chúc năm 2004. Bà biết gia đình ông Đ đã sống trên đất hiện nay đang tranh chấp trước khi mở đường và trước khi bà Th xây nhà thờ tự.

Từ năm 2002 đến năm 2007, bà Nguyễn Thị Đ3 là người được bà Th mượn chăm sóc cho bà T, còn bà Th thì sống ở Biên Hòa, Đồng Nai.

**Tại bản án dân sự sơ thẩm 06/2018/DS-ST ngày 14 tháng 3 năm 2018, Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã quyết định:*

Căn cứ;

- Khoản 5 Điều 26, Điều 34, Điều 37, khoản 2 Điều 244, Điều 474, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điểm b Khoản 1 Điều 129, Điều 662, Khoản 1 Khoản 5 Điều 667, điểm a Khoản 1 Điều 675 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Tuyên bố: Bản di chúc ngày 22/4/2004 do bà Khâu Thị T lập có sự chứng kiến của người làm chứng, đại diện Ban ấp, tổ dân cư và chứng thực của UBND xã P là hợp pháp và có hiệu lực.

Người được hưởng thừa kế của bà Khâu Thị T theo Bản di chúc ngày 22/4/2004 là bà Nguyễn Thanh Th và ông Lương Văn Đ, bà Trương Thị Tuyết Nh.

Tuyên xử;

- Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với diện tích đất $92,5m^2$ (5m ngang x 18,5m dài) vị trí có căn nhà thờ tự, do nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lương Văn Đ về việc “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*” của bà Khâu Thị T để lại theo di chúc ngày 22/4/2004.

1. Công nhận diện tích đất $277,5m^2$ thuộc thửa số 196 tờ bản đồ số 28 tọa lạc tại xã P, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu là di sản thừa kế của bà Khâu Thị T chết để lại cho ông Lương Văn Đ và bà Trương Thị Tuyết Nh. Vị trí đất được thể hiện theo sơ đồ vị trí đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ đo vẽ ngày 13/6/2017 như sau:

+ Hướng Bắc: Giáp đường nhựa do huyện, xã quản lý (Từ điểm số 1 và số 3) có khoảng cách 18,5m.

+ Hướng Đông: Giáp đường tỉnh lộ 44A (Từ điểm số 1 và số 14) có khoảng cách 15m.

+ Hướng Nam: Giáp nhà thờ tự, có khoảng cách 18,5m tính từ mốc lộ giới đường tỉnh lộ 44A kéo dài sâu vào phía sau phần đất trồng gần nhà bà M, ông Hùng.

+ Hướng Tây: Giáp phần đất trồng giữa nhà ông Đ, bà Nh với khu mộ có khoảng cách 15m tính từ cạnh có điểm số 1 và 3 kéo dài vào phía cuối nhà thờ tự.

(Tổng diện tích các khoảng cách trên là $277,5m^2$).

2. Công nhận diện tích đất $553,2m^2$ thuộc thửa số 196 tờ bản đồ số 28 tọa lạc tại xã P, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu là di sản thừa kế của bà Khâu Thị T chết để lại cho bà Nguyễn Thanh Th. (Vị trí đất theo sơ đồ vị trí thửa đất do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ đo vẽ ngày 13/6/2017 kèm theo bản án, sau khi đã được trừ diện tích $277,5m^2$ giao cho ông Lương Văn Đ và bà Trương Thị Tuyết Nh và diện tích $102,7m^2$ đất khu mộ).

3. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 017932 ngày 16/4/2004 do UBND huyện Đ đã cấp cho bà Nguyễn Thanh Th.

4. Ông Trương Dũng T và bà Huỳnh Thị Yến D có trách nhiệm tự tháo dỡ diện tích nhà tạm $21,6m^2$ là quán bán hàng ăn sáng trên phần đất được chia

cho ông Lương Văn Đ, bà Trương Thị Tuyết Nh để trả lại đất cho ông Đ, bà Nh. Ông Đ, bà Nh không phải bồi thường hoặc hỗ trợ bất cứ khoản tiền nào cho ông T, bà D. Trường hợp, không tự nguyện tháo dỡ, di dời thì ông Đ, bà Nh có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự huyện Đ cưỡng chế thi hành án.

Sau khi án có hiệu lực, ông Đ, bà Nh và bà Th có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về quản lý đất đai tại huyện Đ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu để đăng ký quyền sử dụng đất theo quyết định của Bản án và theo Sơ đồ bản vẽ vị trí thửa đất ngày 13/6/2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ đối với thửa đất số 196 tờ bản đồ 28 kèm theo bản án theo quy định của pháp luật.

5. Ngoài diện tích đất yêu cầu chia thừa kế còn có một số diện tích đất do gia đình ông Đ, bà Nh và bà Th sử dụng (Đất thuộc thửa 403 làm đường nhựa DT 65m²; thửa 199 DT 6,7m²), nhưng đất này chưa được cấp GCNQSD đất cho bà T, nên Tòa án không xét. Các bên đương sự tự liên hệ với cơ quan có thẩm quyền quản lý đất đai để xin đăng ký theo quy định, nếu không có tranh chấp khác và pháp luật cho phép.

6. Giành quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác cho các đương sự, gồm các ông, bà: Nguyễn Thanh Th, Lương Khải Đ2, Phùng Thị B, Nguyễn Nhất L1, Lương Thị Trúc G, Lương Thị Kim Q, Lương Quốc Ph, Trương Thị Ngọc M, Đặng Hữu H1 là những người đang ở trên diện tích đất bà Th được hưởng di sản thừa kế của bà T để lại, nếu như có yêu cầu.

7. Về chi phí đo vẽ, thẩm định, định giá tài sản tranh chấp: Bà Nguyễn Thanh Th có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông Lương Văn Đ số tiền 4.654.000đ (Bốn triệu, sáu trăm năm mươi bốn ngàn) đồng khi án có hiệu lực.

8. Tiền chi phí ủy thác tư pháp 2 lần hết 3.370.424 đồng bà Th phải chịu toàn bộ (Đã nộp đủ).

9. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

+ Ông Lương Văn Đ và bà Trương Thị Tuyết Nh phải chịu: 26.200.000đồng. Khấu trừ vào số tiền 20.000.000đ theo phiếu thu số 0001001 ngày 26/7/2016 của Cục Thi hành án Dân sự huyện Đ. Như vậy, ông Đ, bà Nh còn phải nộp tiếp số tiền 6.200.000đ (Sáu triệu, hai trăm ngàn) đồng.

+ Bà Nguyễn Thanh Th phải chịu 45.192.000đ (Bốn mươi lăm triệu, một trăm chín mươi hai ngàn) đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về thi hành bản án, thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 20/3/2018, bị đơn Nguyễn Thanh Th kháng cáo toàn bộ bản án.

**Tại phiên tòa phúc thẩm:*

- Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Người đại diện theo ủy quyền bị đơn cho rằng, bản di chúc năm 2004 không có hiệu lực, bởi vì:

+ Tại thời điểm lập di chúc năm 2004 bà T đã 90 tuổi, nên không còn minh mẫn, sáng suốt. Việc điền chỉ vào bản di chúc là do người khác thực hiện, mà không đúng ý chí của bà T.

+ Hai người làm chứng ký tên, điền chỉ nhưng không ghi ý kiến của mình.

+ Bà B là con gái, là người thừa kế tài sản của bà T, nên không được làm chứng theo quy định của pháp luật.

+ Đại diện chính quyền địa phương ký tên là xác nhận sự có mặt của các bên chứ không phải xác nhận nội dung của di chúc.

+ Nội dung di chúc ghi là bà T đã trao đổi, thống nhất với bà Th, nhưng không có việc này, vì không có chữ ký của bà Th.

+ Khi ông Đ xây nhà thì bị bà Th yêu cầu chính quyền địa phương tạm ngừng xây cất, như vậy bà Th là người được hưởng quyền sử dụng đất của bà T theo di chúc năm 2001 và có quyền quyết định.

+ Bà T sinh năm 1911, nhưng di chúc năm 2004 lại ghi sinh năm 1913 là không đúng, nên di chúc này không khách quan, không đúng pháp luật.

+ Theo quy định tại Khoản 2 Điều 653 BLDS thì di chúc phải đánh số trang thứ tự, nhưng di chúc năm 2004 này không đánh số trang là không đúng quy định.

+ Năm 2007 bà T chết, nhưng đến năm 2016 ông Đ mới xuất trình bản di chúc do bà T lập năm 2004.

Đề nghị HĐXX không chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng.

+ Về nội dung vụ án:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia quyền sử dụng đất theo bản di chúc năm 2004 là 500m², nhưng trong quá trình giải quyết đã thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện là chỉ yêu cầu chia 277,5m² (Ngang 15m x dài 18,5m) là không trái với quy định của pháp luật, nên cần chấp nhận.

Căn cứ Điều 630, 631, 634 Bộ luật dân sự thì di chúc ngày 22/4/2004 của bà T có hiệu lực pháp luật. Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thanh Th; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng, Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thanh Th đúng quy định về kháng cáo nên kháng cáo hợp lệ, được xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về nội dung, xét đơn kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thanh Th thấy rằng:

[2.1]. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế theo di chúc, nên Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào tính hợp pháp của bản di chúc để lại để giải quyết vụ án là đúng.

[2.2]. Khi còn sống bà T đã lập 02 bản di chúc, cụ thể:

+ Ngày 26/10/2001, bà T lập “*Di chúc truyền lại tài sản cho người thừa kế*” là bà Nguyễn Thanh Th, với nội dung: “*Để lại toàn bộ nhà và đất diện tích 2000m² đất thổ cư*”.

+ Ngày 22/4/2004, bà T lập “*Di chúc di sản*” cho bà Nguyễn Thanh Th và ông Lương Văn Đ, bà Trương Thị Tuyết Nh (vợ ông Đ) với nội dung: “*Tôi có phần đất và trên đất có ngôi nhà cấp 4 (nay nhà đã xuống cấp). Tục danh tại Ngã tư B, ấp H. Trước đây vào năm 2002, tôi có lập di chúc để lại toàn bộ di sản (nhà và đất) cho người cháu nội tôi là Nguyễn Thị Thanh Th, nay nhận thấy cặp vợ chồng cháu ngoại tôi Trương Thị Tuyết Nh và Lương Văn Đ hai cháu đang gặp khó khăn về nhà ở và công việc làm ăn bảo đảm cuộc sống gia đình. Nay tôi quyết định sửa lại di chúc tôi làm năm 2002 được thống nhất của cháu nội Nguyễn Thanh Th và đại diện chính quyền địa phương, cùng 02 người xác nhận gồm Khâu Thị B: Con gái; Nguyễn Thị Đ3: Người đang nuôi dưỡng tôi. Phần đất có nay trích ra:*

Chiều rộng: 20m từ ngã tư theo trục lộ 44A

Chiều dài: 25m từ Tây qua Đông giáp chòi.

Để cháu Nh và Định được quyền cất nhà buôn bán bảo đảm cuộc sống và làm chủ quyền sử dụng đất.

Ý và lời di chúc lần này, tuy sức khỏe có yếu nhưng còn minh mẫn, cho nên nhớ lại cặp cháu ngoại Nh + Đ. Số di sản còn lại bao nhiêu cháu Nguyễn Thị Thanh Th toàn quyền sử dụng, không được ai có quyền tranh chấp.

Di chúc này được kính báo chính quyền, ban ngành chức năng, Ban ấp H biết, xác nhận. Nếu tôi có qua đời, làm cơ sở phân chia, không phải chia tính gì nữa”.

Xét thấy:

Bộ luật Dân sự năm 1995 quy định:

Điều 655. Di chúc hợp pháp:

“1- Di chúc được coi là hợp pháp phải có đủ các điều kiện sau đây:

a) Người lập di chúc minh mẫn, sáng suốt trong khi lập di chúc; không bị lừa dối, đe dọa hoặc cưỡng ép”.

Bản “*Di chúc di sản*” được lập ngày 22/4/2004 có nội dung là chỉnh sửa điều chỉnh bản di chúc năm 2002. Trong khi đó, thực tế chỉ có bản di chúc năm 2001 chứ không có bản di chúc nào được lập năm 2002. Bà Th được nhắc đến trong Di chúc với tên là Nguyễn Thị Thanh Th nhưng họ tên đúng là Nguyễn Thanh Th. Di chúc ghi cụ Tỉnh sinh năm 1913 tuy nhiên tại giấy xác nhận của phòng cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội công an tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu ngày 06/3/2018 xác nhận cụ Khâu Thị T sinh năm 1911. Như vậy, bản di chúc này có nhiều nội dung thể hiện bà T khi lập di chúc thiếu minh mẫn, sáng suốt.

Điều 657. Người làm chứng cho việc lập di chúc:

“Mọi người đều có thể làm chứng cho việc lập di chúc, trừ những người sau đây:

1- Người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của người lập di chúc”.

Di chúc lập ngày 22/4/2004 thể hiện bà Khâu Thị B (con gái cụ Khâu Thị T) là người thừa kế của cụ Khâu Thị T lại là người làm chứng cho việc lập di chúc là không đúng theo quy định pháp luật.

Điều 659. Di chúc bằng văn bản có người làm chứng:

“Trong trường hợp người lập di chúc không thể tự mình viết bản di chúc, thì có thể nhờ người khác viết, nhưng phải có ít nhất là hai người làm chứng. Người lập di chúc phải ký hoặc điểm chỉ vào bản di chúc trước mặt những người làm chứng; những người làm chứng xác nhận chữ ký, điểm chỉ của người lập di chúc và ký vào bản di chúc. Việc lập di chúc phải tuân theo quy định tại Điều 656 và Điều 657 của Bộ luật này.

Biên bản ghi lời khai của Bà Đ3 vào ngày 27/3/2017 thể hiện bà Nguyễn Thị Đ3 là người làm chứng thứ 2 trong di chúc lại là người mù chữ. Trong bản di chúc không thể hiện những người làm chứng xác nhận chữ ký, điểm chỉ của cụ Khâu Thị T là không đúng theo quy định pháp luật.

Như vậy, cấp sơ thẩm căn cứ di chúc do bà T lập ngày 22/4/2004 để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Công nhận diện tích đất 277,5m² thuộc thửa số 196 tờ bản đồ số 28 tọa lạc tại xã P, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu là di sản thừa kế của bà Khâu Thị T chết để lại cho ông Lương Văn Đ và bà Trương Thị Tuyết Nh. Vị trí đất được thể hiện theo sơ đồ vị trí đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ đo vẽ ngày 13/6/2017 là không đúng quy định pháp luật.

[3]. Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đưa ra các chứng xác định Di chúc ngày 22/4/2004 không hợp pháp và đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ được HĐXX chấp nhận.

Tuy nhiên, căn cứ vào di chúc lập ngày 26/10/2001, “*Di chúc truyền lại tài sản cho người thừa kế*” là bà Nguyễn Thanh Th. Ngày 16/4/2004, bà Th đã được UBND Huyện Đ cấp GCNQSD đất số Đ 017932 đứng tên đăng ký toàn bộ diện tích 1.296m² khi bà T còn sống là vi phạm điều 670 của Bộ luật dân sự năm 1995 là “*Di chúc có hiệu lực từ thời điểm mở thừa kế*”. Trong quá trình giải quyết vụ án đại diện Ủy ban nhân dân huyện Đ cũng xác định Việc cấp GCNQSD đất cho bà Th là không đúng quy định. Lý do, vì người lập di chúc chưa chết nên di chúc chưa phát sinh hiệu lực (Bà T chết năm 2007). Vì vậy, đề nghị Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Th. Do đó, cần hủy GCNQSD đất số Đ 017932 ngày 16/4/2004 do bà Th đứng tên đối với thửa đất số 196 tờ bản đồ 28 tọa lạc tại xã H, huyện Đ. Bà Th có quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được xem xét giải quyết việc đăng ký quyền sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật.

[4]. Kết luận của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thanh Th, giữ nguyên bản án sơ thẩm là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm: Do kháng cáo của bị đơn được chấp nhận nên bị đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm; nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

1. Chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thanh Th. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 06/2018/DS-ST ngày 14 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Căn cứ Khoản 5 Điều 26, Điều 34, Điều 37, khoản 2 Điều 244, Điều 474, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều a Khoản 1 Điều 655, Điều 657, Điều 659, của Bộ luật dân sự năm 1995;

Tuyên bố: Bản di chúc ngày 22/4/2004 do bà Khâu Thị T lập là không hợp pháp.

Bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lương Văn Đ về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản” của bà Khâu Thị T để lại theo di chúc ngày 22/4/2004.

2. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 017932 ngày 16/4/2004 do UBND huyện Đ đã cấp cho bà Nguyễn Thanh Th. Bà Th được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được xem xét giải quyết việc đăng ký quyền sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Lương Văn Đ phải chịu số tiền 45.192.000 đồng. Khấu trừ số tiền 20.000.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu tiền số 0001001 ngày 26-7-2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Ông Đ phải chịu số tiền còn lại là 25.192.000 đồng.

- Bà Nguyễn Thanh Th không phải chịu.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thanh Th không phải chịu; hoàn lại cho bà Th số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0000585 ngày 21-3-2018 của Cục thi Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh BR-VT;
- Cục THADS tỉnh BR-VT;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, VT (HTKN).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thanh Dũng